

Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Địa chỉ: Tầng 5, Tháp CEO, HH2-1, ĐTM Mỹ Trì Hạ, Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Mã số thuế: 010118355

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2015



BAO GỒM:

1. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc

Mẫu số B01a-DN

Mẫu số: B02a-DN

Mẫu số: B03a-DN

Mẫu số: B09a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 Năm 2015

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/6/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		926,676,551,163	727,816,336,401
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	74,469,432,835	40,768,091,246
1. Tiền	111		71,469,432,835	40,768,091,246
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	41,310,000,000	58,735,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		24,400,000	24,400,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(14,400,000)	(14,400,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		41,300,000,000	58,725,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		448,953,471,930	372,959,616,707
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131		367,440,311,158	340,196,271,243
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		62,901,045,596	27,963,837,690
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		10,366,798,840	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4b	8,481,886,336	5,136,077,774
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(236,570,000)	(336,570,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		340,954,845,524	253,866,505,283
1. Hàng tồn kho	141	V.5	340,954,845,524	253,866,505,283
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20,988,800,874	1,487,123,165
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	3,728,080,128	656,105,798
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11a	17,258,751,562	818,209,764
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1,969,184	12,807,603
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		804,872,700,452	665,115,906,952
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27,696,505,668	25,798,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1,347,362,135	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	27,696,505,668	27,145,362,135
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1,347,362,135)	(1,347,362,135)
II. Tài sản cố định	220		37,473,882,024	29,352,367,235
1. TSCĐ hữu hình	221	V.7	37,333,101,722	29,249,810,010
- Nguyên giá	222		53,058,789,670	42,660,103,740

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 Năm 2015				
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15,725,687,948)	(13,410,293,730)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.8	140,780,302	102,557,225
- Nguyên giá	228		645,933,346	570,933,346
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(505,153,044)	(468,376,121)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	160,583,843,690	162,758,485,077
- Nguyên giá	231		182,253,563,929	182,543,817,277
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21,669,720,239)	(19,785,332,200)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		446,891,751,235	305,493,460,491
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6b	446,891,751,235	305,493,460,491
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17,900,000,000	17,859,067,344
1. Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		17,900,000,000	17,859,067,344
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		114,326,717,835	123,854,526,805
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	48,342,715,093	45,381,559,779
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11b	1,581,837,171	1,417,084,671
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	6,834,610,641
5. Lợi thế thương mại	269		64,402,165,571	70,221,271,714
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,731,549,251,615	1,392,932,243,353

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 2 Năm 2015
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/6/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		780,546,298,915	847,553,706,507
I. Nợ ngắn hạn	310		138,887,478,494	272,974,762,179
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	2,175,628,264	78,715,125,339
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		33,998,217,685	11,039,500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	24,678,397,178	46,138,885,957
4. Phải trả người lao động	314		4,180,431,598	3,965,381,243
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	18,924,010,948	20,187,965,807
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	1,560,971,967	
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16a	1,497,288,201	26,514,719,021
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	37,046,223,833	93,531,558,855
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		14,826,308,820	3,910,086,457
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		641,658,820,421	574,578.944,328
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.13b	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15b	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	147,161,121,383	198,153,225,566
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	3,729,225,734	3,468,010,302
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	489,459,926,251	371,649,161,407
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	1,308,547,053	1,308,547,053
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		951,002,952,700	545,378,536,846
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	814,125,626,078	466,346,197,594
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		686,239,960,000	343,119,980,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		686,239,960,000	343,119,980,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Quý 2 Năm 2015**

2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	50,602,293,910	40,264,171,881
9. Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	205,808,314	136,172,652
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	77,077,563,854	82,825,873,061
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	11,568,858,856	(2,263,977,713)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	65,508,704,998	85,089,850,774
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
13. Lợi ích của cổ đông thiểu số	429	136,877,326,622	79,032,339,252
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440	1,731,549,251,615	1,392,932,243,353

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thu Phương

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thơm

Tổng Giám đốc



Tạ Văn Tố

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5 tháp C.E.O, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (84-4) 37 875 136 Fax: (84-4) 37 875 137

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 02a - DN/HN

Quý 2 năm 2015

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Quý 2	Năm trước	Năm nay	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	125,303,426,494		62,330,363,740	299,222,698,788	100,801,852,065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				53,333,333	-	258,035,151
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		125,303,426,494		62,277,030,407	299,222,698,788	100,543,816,914
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	75,603,997,789		39,126,687,701	-	-
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		49,699,428,705		23,150,342,706	131,247,962,883	37,955,668,647
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1,869,408,400		(113,354,161)	4,722,575,056	89,881,743
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2,240,799,020		3,888,140,387	6,130,680,822	5,117,657,505
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(3,889,881,802)		3,888,140,387	-	5,117,657,505
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		869,460		302,505	-	(1,116,495)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8b	934,638,350		181,597,518	1,545,073,233	277,083,065
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8a	10,263,201,451		6,830,978,485	18,402,363,540	11,959,810,892
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26-24))	30		38,131,067,744		12,136,574,660	109,892,420,344	20,689,882,433
12. Thu nhập khác	31	VI.6	285,753,154		99,168,697	-	-
13. Chi phí khác	32	VI.7	105,497,933		12,927,328	359,878,913	381,645,276
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		180,255,221		86,241,369	233,675,520	258,268,215
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38,311,322,965		12,222,816,029	110,018,623,737	123,377,061
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	9,722,940,864		3,197,699,666	25,540,972,212	5,180,128,925

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5 tháp C.E.O, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội
 Tel: (84-4) 37 875 136 Fax: (84-4) 37 875 137

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính 2015

17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	161,864,474	284,466,121	-	183,051,464
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		28,426,517,627	8,740,650,242	84,477,651,525	15,450,079,105
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		28,364,149,859	7,909,670,533	65,508,704,998	14,111,439,806
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số (62 = 60 - 61)	62		62,367,768	830,979,709	18,968,946,527	1,338,639,299

Người lập

Nguyễn Thu Phương**Kế toán trưởng**

Đỗ Thị Thơm

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc**Phạm Văn Tố**

Mẫu số B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 năm 2015

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã TM số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01	270,245,952,044	82,657,363,151
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02	(287,478,204,928)	(21,057,955,454)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(28,867,298,084)	(13,065,550,386)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(4,691,340,561)	(3,906,189,371)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(41,981,740,354)	(686,474,471)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	40,935,767,348	10,329,986,870
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(85,528,382,512)	(7,370,874,519)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(137,365,247,047)	46,900,325,820
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	(106,202,274,917)	(30,650,825,490)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22	(20,823,130,264)	41,716,976
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(476,307,473,335)	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	524,765,674,495	8,000,000,000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	593,458,210	83,040,190
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(77,973,745,811)	(22,526,068,324)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31	400,269,980,000	-
2	Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát h	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33	1,333,605,600	65,034,626,210
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(73,029,858,040)	(70,648,571,525)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(79,538,390,560)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	249,035,337,000	(5,613,945,315)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	33,696,344,142	18,760,312,181
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40,773,088,693	6,423,990,709
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70 V.1	74,469,432,835	25,184,302,890

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thu Phương



Đỗ Thị Thơm



Tạ Văn Tố

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O tiền thân là Công ty TNHH Thương mại, Xây dựng và Công nghệ Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102003701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư C.E.O và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016491 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 03 năm 2007, và các lần thay đổi. Từ ngày 27 tháng 05 năm 2015, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101183550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội thay đổi lần thứ 16 ngày 27 tháng 05 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 686.239.960.000 đồng, tổng số cổ phần là 68.623.996 cổ phần và mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O có tất cả 05 công ty con, và 01 công ty liên kết. Cụ thể bao gồm:

STT Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1 Công ty TNHH C.E.O Quốc Tế	Hà Nội	100,00%	Xây dựng nhà các loại, cung cấp dịch vụ ăn uống, giáo dục THCS và THPT...
2 Công ty CP Xây dựng C.E.O	Hà Nội	51,00%	Xây lắp nhà, khu công nghiệp, kinh doanh bất động sản, sửa chữa máy móc thiết bị
3 Công ty CP Phát triển dịch vụ C.E.O	Hà Nội	51,00%	Kinh doanh dịch vụ vệ sinh công nghiệp, đào tạo tư vấn môi giới xuất khẩu lao động...
4 Trường cao đẳng Đại Việt	Bắc Ninh	100,00%	Đào tạo các ngành nghề kế toán doanh nghiệp sản xuất, kế toán doanh nghiệp thương mại...
5 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phú Quốc	Phú Quốc	60,00%	Kinh doanh khu vui chơi, giải trí, hoàn thiện các công trình xây dựng, kinh doanh bất động sản

STT Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1 Công ty Cổ phần BMC-C.E.O	Hà Nội	43,00%	Đầu tư, kinh doanh bất động sản

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết : Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình; tư vấn khảo sát xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Chi tiết Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, máy may, da giày, Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng các công trình đường bộ, đường sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; khai thác quặng sắt;
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp; Dạy nghề; Đào tạo Cao đẳng (chỉ hoạt động sau khi được cơ Quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép);
- Sản giao dịch bất động sản; Quản lý bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đầu giá bất động sản (Chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo Pháp luật); Định giá bất động sản; Môi giới bất động sản; Tư vấn bất động sản;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf;
- Sản xuất linh kiện xe ô tô và các sản phẩm công nghiệp khác; sản xuất các thiết bị bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị điện (điện thoại, máy fax, phần cứng và phần mềm máy tính);
- Kinh doanh dịch vụ hội nghị, hội thảo, kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại, đầu tư kinh doanh cho thuê văn phòng;
- Đào tạo trình độ Đại học (Chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); đào tạo ngoại ngữ, tin học;
- Đầu tư xây dựng các công trình điện, nước, đầu tư xây dựng nhà, khu công nghiệp, khu du lịch và các khu vui chơi giải trí;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách, dịch thuật; Trang trí nội, ngoại thất;
- Sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị điện tử, điện, nước, sản phẩm cơ khí, viễn thông; xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông; xây dựng dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng; Buôn bán trang thiết bị bưu chính, viễn thông;
- Tư vấn khảo sát xây dựng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc, giày dép;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, kinh doanh khách sạn, nhà hàng bất động sản;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa, tư vấn đầu tư; và
(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KÝ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O và các Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính, lãi/(lỗ) chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong nội bộ Công ty cũng đã được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 47
Phương tiện vận tải	05 - 09
Máy móc thiết bị	03 - 04
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 05
Tài sản cố định khác	02 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, nhãn hiệu hàng hóa quốc tế và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phần mềm máy tính	03
Nhãn hiệu hàng hóa quốc tế	05
Tài sản cố định vô hình khác	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Tòa tháp CEO, HH2-1, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 46 năm.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng để phục vụ hoạt động đào tạo cho trường Cao đẳng Đại Việt và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí thuê văn phòng để phục vụ hoạt động đào tạo cho trường Cao đẳng Đại Việt được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 47,5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Quý 2 năm 2015

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền**

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	10,233,509,846	2,643,234,077
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61,235,922,989	38,124,857,169
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	71,469,432,835	40,768,091,246

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Các khoản đầu tư cho</i>	41,300,000,000	41,300,000,000	58,725,000,000	58,725,000,000
<i>Trong đó</i>			11,725,000,000	11,725,000,000
<i>Công ty tư vấn đầu tư Thành Nam</i>			11,725,000,000	11,725,000,000
<i>Cho vay cá nhân</i>	41,300,000,000	41,300,000,000	47,000,000,000	47,000,000,000

3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	1/1/2015	01/01/2015
	VND	VND
a Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty cổ phần đầu tư tư vấn Thành Nam	34,604,413,707	
Công ty CP Fecon Phú Quốc	86,739,689,648	148,125,115,248
Công ty TNHH Gia Thịnh Phát Phú Quốc	52,457,046,169	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	193,720,577,260	192,071,155,995
Tổng cộng	367,521,726,784	340,196,271,243
b Phải thu khách hàng dài hạn		
Công ty TV TK công trình xây dựng VN	500,000,000	-
Viện nhiệt đới - trường ĐH Kiến trúc HN	421,918,000	
Công ty PALAFOX ASOCIATES	425,444,135	
Tổng cộng	1,347,362,135	-

4 Phải thu khác

	1/1/2015	01/01/2015
	VND	VND
a Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	5,157,073,000	14,158,000
Tạm ứng	1,025,307,654	4,094,975,445
Phải thu khác	2,299,505,682	1,026,944,329
Tổng cộng	8,481,886,336	5,130,077,774

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Quý 2 năm 2015

(tiếp theo)

b Dài hạn

Ban đền bù GPMB Quốc Oai

25,700,000,000 25,700,000,000

Phải thu khác

1,996,505,668 1,445,362,135

Tổng cộng**27,696,505,668 27,145,362,135****5 Hàng tồn kho**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	6,415,968		8,699,437	
Công cụ dụng cụ	3,560,233		3,560,233	
Chi phí sản xuất kinh đ	115,263,772,768		90,817,376,314	
Thành phẩm	556,686,270		193,992,925	
Hàng hóa	248,559,629		210,892,845	
Tổng cộng	116,078,994,868	-	91,234,521,754	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty là chi phí xây dựng Khu đô thị Quốc Oai, Dự án Hà Nam ...

6 Chi phí trả trước

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
a Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2,953,857,026	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	774,223,102	656,105,798
Tổng cộng	3,728,080,128	656,105,798
b Dài hạn		
Chi phí thuê VP tại trường ĐV	30,938,350,199	29,245,182,835
Trả trước tiền thuê VP	9,042,483,097	8,198,479,429
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3,815,602,009	5,977,839,052
Chi phí trả trước dài hạn khác	4,546,279,788	1,960,058,463
Tổng cộng	48,342,715,093	45,381,559,779

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN/HN

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
- Số dư ngày 01/01/2015	11,333,772,165	13,542,655,258	13,444,213,932	2,625,145,380	1,714,317,005	42,660,103,740
- Mua trong kỳ	1,880,338,182	1,629,090,910	6,176,396,364	354,911,209	-	10,040,736,665
- Đầu tư XDCB hoàn thành	809,895,266	-	-	-	-	809,895,266
- Tăng khác	-	-	-	76,805,454	-	76,805,454
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(528,751,455)	-	-	(528,751,455)
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/03/2015	14,024,005,613	15,171,746,168	19,091,858,841	3,056,862,043	1,714,317,005	53,058,789,670
Giá trị hao mòn lũy kế						
- Số dư ngày 01/01/2015	2,647,651,758	5,488,877,229	2,153,413,847	1,521,064,831	1,599,286,065	13,410,293,730
- Khấu hao trong năm	549,319,954	941,687,399	1,003,051,988	235,055,392	115,030,940	2,844,145,673
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(528,751,455)	-	-	(528,751,455)
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 30/6/2015	3,196,971,712	6,430,564,628	2,627,714,380	1,756,120,223	1,714,317,005	15,725,687,948
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2015	8,686,120,407	8,053,778,029	11,290,800,085	1,104,080,549	115,030,940	29,249,810,010
- Tại ngày 30/6/2015	10,827,033,901	8,741,181,540	16,464,144,461	1,300,741,820	-	37,333,101,722

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Quý 2 năm 2015

(tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Nhãn hiệu hàng hóa quốc tế	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
- Số dư ngày 01/01/2015	241,705,750	267,227,596	62,000,000	570,933,346
- Mua trong năm	75,000,000	-	-	75,000,000
- Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-
- Số dư ngày 30/6/2015/2	316,705,750	267,227,596	62,000,000	645,933,346
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Số dư ngày 01/01/2015	241,705,750	173,138,174	53,532,197	468,376,121
- Khấu hao trong năm	3,854,167	26,722,756	6,200,000	36,776,923
- Giảm khác (*)	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/03/2015	245,559,917	199,860,930	59,732,197	505,153,044
Giá trị còn lại				
- Tại ngày 01/01/2015	-	94,089,422	8,467,803	102,557,225
- Tại ngày 31/03/2015	71,145,833	67,366,666	2,267,803	140,780,302

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND	
			Tổng	
Nguyên giá				
Tại ngày 01/1/2015	179,136,249,277	-	3,407,568,000	182,543,817,277
Giảm khác	(290,253,348)	-	-	(290,253,348)
Tại ngày 30/6/2015	178,845,995,929	-	3,407,568,000	182,253,563,929
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/1/2015	19,785,332,200	-	-	19,785,332,200
Trích khấu hao trong kỳ	1,884,388,039	-	-	1,884,388,039
Tại ngày 30/6/2015	21,669,720,239	-	-	21,669,720,239
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/1/2015	159,350,917,077	-	3,407,568,000	162,758,485,077
Tại ngày 30/6/2015	157,176,275,690	-	3,407,568,000	160,583,843,690

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công trình trường cao đẳng Đại Việt	58,235,984,740	58,015,006,005
Công trình DA Khu phần mềm CEO Láng Hòa Lạc	2,709,917,385	698,742,840
Công trình khu du lịch bãi Trường - Phú Quốc	385,945,849,110	246,779,711,646
Tổng cộng	446,891,751,235	305,493,460,491

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5 tháp C.E.O, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội
 Tel: (84-4) 37 875 136 Fax: (84-4) 37 875 137

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm tài chính 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu số B09 - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. Đầu tư vào Công ty liên kết**

30/06/2015

01/01/2015

	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Công ty cổ phần BMC- C.E.O	430,000	17,900,000,000	17,900,000,000	-	430,000	17,900,000,000	17,900,000,000	-
Cộng	-	17,900,000,000	17,900,000,000	-	-	17,900,000,000	17,900,000,000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Quý 2 năm 2015

(tiếp theo)

12 Lợi thế thương mại

	Lợi thế TM phát sinh từ mĩa CP công ty CP đầu tư và PT Phú Quốc	Lợi thế TM phát sinh từ mĩa CP công ty TNHH C.E.O Quốc tế	Tổng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/1/2015	90,029,000,000	3,919,980,000	93,948,980,000
Tại ngày 30/6/2015	90,029,000,000	3,919,980,000	93,948,980,000
Hao mòn			
Tại ngày 01/1/2015	22,551,714,286	1,175,994,000	23,727,708,286
Khấu hao trong kỳ	5,623,107,143	195,999,000	5,819,106,143
Tại ngày 30/6/2015	28,174,821,429	1,371,993,000	29,546,814,429
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/1/2015	67,477,285,714	2,743,986,000	70,221,271,714
Tại ngày 30/6/2015	61,854,178,571	2,547,987,000	64,402,165,571

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Quý 2 năm 2015

(tiếp theo)

13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2015	Số phải nộp trong	Số thực nộp trong	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
- Thuế GTGT	3,112,921,352	2,134,077,820	8,723,530,237	9,711,373,769
- Thuế TNDN	17,707,276,157	24,172,001,311	41,821,507,857	35,356,782,703
- Thuế TNCN	2,481,815,717	3,628,825,806	2,217,739,574	1,070,729,485
- Phí lệ phí phải nộp NN	313,609	313,609		
Tổng cộng	23,302,326,835	29,935,218,546	52,762,777,668	46,138,885,957

14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số thực nộp trong	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	3,059,455,785	2,010,023,142
Trích trước chi phí công trình - DA Chi đồng	14,944,816,855	14,944,816,855
Trích trước chi phí khác	919,738,308	3,233,125,810
Tổng cộng	18,924,010,948	20,187,965,807

15 Phải trả khác

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
a Ngắn hạn	1,497,261,201	26,514,719,021
Kinh phí công đoàn	320,276,189	226 316,834
Bảo hiểm xã hội	95,167,287	
Bảo hiểm y tế	15,950,230	
Bảo hiểm thất nghiệp	5,925,949	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	547,255,022	10,000,000,000
Phải trả ngắn hạn khác	512,686,524	16,288,402,187
b Dài hạn	3,729,225,734	3,468,010,302
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2,905,235,680	
Phải trả dài hạn khác	823,990,054	3,468,010,302

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5 tháp C.E.O, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 37 875 136

Fax: (84-4) 37 875 137

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm tài chính 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Mẫu số B09 - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2015		Trong kỳ		1/1/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ - VND	Tăng	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ - VND
Vay ngân hàng tổ chức kinh tế						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	37,046,223,833	37,046,223,833	6,052,688,172	7,810,023,194	38,803,558,855	38,803,558,855
Vay cá nhân	37,046,223,833	37,046,223,833	6,052,688,172	7,810,023,194	38,803,558,855	38,803,558,855
Cộng	37,046,223,833	37,046,223,833	6,052,688,172	62,538,023,194	93,531,558,855	93,531,558,855

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Quý 2 năm 2015

(tiếp theo)

17 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
a Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện hoạt động BĐS	568,043,356	-
- Doanh thu chưa thực hiện hoạt động cho thuê Tháp	992,928,611	-
Tổng cộng	1,560,971,967	-
b Dài hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện hoạt động BĐS	147,161,121,383	154,907,382,390
- Doanh thu chưa thực hiện hoạt động cho thuê Tháp		43,245,843,176
Tổng cộng	147,161,121,383	198,153,225,566

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5 tháp C.E.O, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 37 875 136

Fax: (84-4) 37 875 137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
Quý 2 năm tài chính 2015

Mẫu số B09 - DN/HN

30/06/2015

Trong kỳ

	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ - VND	Tăng	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ - VND
18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay tổ chức kinh tế						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	480,349,067,851	483,905,821,601	133,233,376,634	14,916,611,790	14,916,611,790	14,916,611,790
- Vay cá nhân	8,617,900,000	8,617,900,000		9,182,753,750	356,298,444,967	356,398,444,967
- Công ty CP đầu tư phát triển nhà Hoàng Hải F	998,958,400	998,958,400		5,733,858,040	14,351,758,040	14,351,758,040
Tổng	489,965,926,251	493,522,680,001	133,233,376,634	14,916,611,790	371,649,161,407	371,749,161,407

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5 tháp C.E.O, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội
 Tel: (84-4) 37 875 136 Fax: (84-4) 37 875 137

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm tài chính 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B09 - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2015

	Hoạt động kinh doanh BDS		Hoạt động cung cấp dịch vụ		Hoạt động xây lắp		Loại trừ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản										
Tài sản bộ phận tài sản không phân bổ	1,297,482,838,373	(36,853,045,422)	139,832,881,140				(512,335,401,183)		888,127,272,908	
Tổng tài sản	1,297,482,838,373	(36,853,045,422)	139,832,881,140				(512,335,401,183)		836,338,712,385	
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	823,144,908,337	5,854,799,302	113,756,929,417				(208,460,828,649)		734,295,808,407	
Nợ phải trả không phân bổ									44,955,835,791	
Tổng nợ phải trả	823,144,908,337	5,854,799,302	113,756,929,417				(208,460,828,649)		779,251,644,198	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 6 năm 2015										
Tài sản										
Tài sản bộ phận tài sản không phân bổ	998,126,185,480	305,971,464,990	150,830,540,403				(61,995,947,520)		1,392,932,243,353	
Tổng tài sản	998,126,185,480	305,971,464,990	150,830,540,403				(61,995,947,520)		1,392,932,243,353	
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	594,449,291,112	189,573,477,468	125,526,885,447				(61,995,947,520)		847,553,706,507	
Nợ phải trả không phân bổ										
Tổng nợ phải trả	594,449,291,112	189,573,477,468	125,526,885,447				(61,995,947,520)		847,553,706,507	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5 tháp C.E.O, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 37 875 136

Fax: (84-4) 37 875 137

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ 01/1/2015 đến 30/6/2014

Mẫu số B09 - DN/HN

	Hoạt động kinh doanh BDS	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
DT thuần từ bán hàng ra bên ngoài	67,707,116,145	32,836,700,769			100,543,816,914
DT thuần từ bán hàng cho bộ phận khác		2,004,449,385	7,305,785,909	(9,310,235,294)	
Tổng doanh thu	67,707,116,145	34,841,150,154	7,305,785,909	(9,310,235,294)	100,543,816,914
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	51,300,167,098	12,837,764,070		(1,549,782,901)	62,588,148,267
Kết quả hoạt động kinh doanh	16,406,949,047	22,003,386,084	7,305,785,909	(7,760,452,393)	37,955,668,647
Kết quả kinh doanh bộ phận					12,236,893,957
Chi phí phân bổ					25,718,774,690
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(1,116,495)
Phần LN trong Cty con, Cty liên kết					89,881,743
Doanh thu từ các khoản đầu tư					123,377,061
Lợi nhuận khác					5,117,657,505
Chi phí tài chính					20,813,259,494
Lợi nhuận trước thuế					5,363,180,389
Chi phí thuế TNDN					15,450,079,105
Lợi nhuận trong kỳ					

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Quý 2 năm 2015

(tiếp theo)

20 Doanh thu theo khu vực địa lý không tính đến xuất xứ hàng hóa dịch vụ

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tỉnh bắc Ninh	-	1,476,523,000
TP Hà nội	207,742,821,956	99,067,293,914
Kiên Giang	106,292,990,718	-
Tổng cộng	314,035,812,674	100,543,816,914

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BCKQKD HỢP NHẤT**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Trong đó:		
Doanh thu kinh doanh BĐS	227,985,497,417	67,707,116,145
Doanh thu cung cấp dịch vụ	71,931,687,805	33,094,735,920
Các khoản giảm trừ doanh thu		258,035,151
- Hàng bán bị trả lại		258,035,151
Tổng cộng	299,917,185,222	100,543,816,914

2 Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	128,827,314,413	51,300,167,098
Giá vốn cung cấp dịch vụ	46,568,718,421	11,287,981,169
Tổng cộng	175,396,032,834	62,588,148,267

4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi Ngân hàng, cho vay	5,105,970,611	89,881,743
Tổng cộng	5,105,970,611	89,881,743

5 Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	6,470,194,356	5,117,657,505

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Quý 2 năm 2015

(tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

43,882,021

Tổng cộng

6,514,076,377

5,117,657,505

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ C.E.O

Người lập

Nguyễn Thu Phương

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Tổng Giám đốc



Tạ Văn Tổ